

**CÔNG TY TNHH MART METAVERSE LABS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MART METAVERSE LABS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MART METAVERSE LABS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MART METAVERSE LABS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109975999

**3. Ngày thành lập:** 25/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 68/116 phố Nhân Hoà, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969559288

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ đấu giá hàng hoá) | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                               | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                | 4652     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                            | 4653     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                   | 4659     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                           | 4663     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất, nhập khẩu hàng hóa                | 8299     |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                             | 6201     |
| 9.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                               | 6202     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                   | 6209     |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                | 6311     |
| 12. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                         | 6312     |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, tài chính, thuế, kiểm toán, chứng khoán)          | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7211        |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7212        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 19. | In ấn<br>(trừ in trắng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811        |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812        |
| 21. | Sao chép bản ghi các loại<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1820        |
| 22. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4784        |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4791        |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799        |
| 25. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5820(Chính) |
| 26. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3240        |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4741        |
| 28. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4742        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Error: Subreport could not be shown.

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN HẢI NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: N1705378

Ngày cấp: 14/10/2014

Nơi cấp: LSQ Việt Nam tại Niu-Oóc, Hoa Kỳ

Địa chỉ thường trú: Nhà 26, Ngõ 40 Đường Hùng Vương, Phường Đồng Tâm, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nhà 26, Ngõ 40 Đường Hùng Vương, Phường Đồng Tâm, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội